

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1291/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 538/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 526/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp Q, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Dương Văn B, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường V, Ấp B, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Dương Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2014 tại UBND xã Phú Lộc, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2015, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn với nhau nhưng không thành và sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Nay bà T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà T yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Dương Gia S (sinh ngày 26/11/2015). Cháu S đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Dương Văn B trình bày:

Ông B và bà Trần Thị Thanh T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 04/12/2014 tại UBND xã Phú Lộc, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Ông B còn yêu thương vợ con và nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, nên ông B không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Gia S (sinh ngày 26/11/2015). Cháu S đang sống cùng với bà T. Nếu Tòa án giải quyết buộc phải ly hôn thì ông B đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con mà vợ chồng đều tự có trách nhiệm nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định tạm ngừng phiên tòa và thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyền số 01/2014 ngày 04/12/2014 do Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Theo như bà T trình bày thì từ năm 2015, giữa vợ chồng bà T, ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn với nhau nhưng không thành và sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có qua lại, mạnh ai nấy sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng ông B không có mặt. Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông B có đề nghị cho thời gian để tự hòa giải đoàn tụ nhưng đến nay vẫn không có kết quả và ông B tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Hiện nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông B. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà T, ông B đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông B.

[6] Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Dương Gia S (sinh ngày 26/11/2015). Cháu S đang sống cùng với bà T. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Dương Gia S cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông B không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà T phải chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Dương Văn B.

2. Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Dương Gia S (sinh ngày 26/11/2015). Giao cháu Dương Gia S cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông B cho đến khi có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số 0024685 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Phú Lộc, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam